

Số: 13 /QĐ-UBND

Tây Ninh, ngày 02 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ trong lĩnh vực đăng kiểm thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh Tây Ninh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

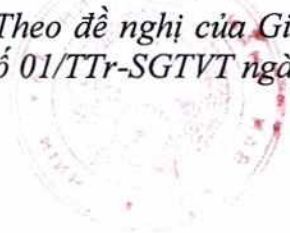
Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1504/QĐ-BGTVT ngày 09 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ trong lĩnh vực đăng kiểm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tỉnh Tây Ninh tại Tờ trình số 01/TTr-SGTVT ngày 02 tháng 01 năm 2025.



QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính được ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ trong lĩnh vực đăng kiểm thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh Tây Ninh (*danh mục thủ tục hành chính được công bố bằng file điện tử đính kèm theo Quyết định này trên hệ thống eGov*).

1. Giao Sở Giao thông vận tải tỉnh cập nhật các thủ tục hành chính đã được bãi bỏ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh, Cổng dịch vụ công Tây Ninh. Điều chỉnh, hoàn thiện quy trình nội bộ giải quyết các thủ tục hành chính làm cơ sở để xây dựng quy trình điện tử trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố và cập nhật đầy đủ lên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh. Đồng thời, niêm yết công khai và giải quyết các thủ tục hành chính này cho cá nhân, tổ chức đúng quy định.

2. Giao Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh kiểm soát chất lượng và cập nhật các nội dung địa phương hoá thủ tục hành chính lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính. Thông báo mã thủ tục hành chính mới cập nhật cho Sở Giao thông vận tải theo quy định.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Danh mục thủ tục hành chính tương ứng, bãi bỏ nội dung số thứ tự 61 tại phụ lục kèm theo được công bố tại Quyết định số 2480/QĐ-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục và quy trình nội bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải tỉnh Tây Ninh; bãi bỏ nội dung số thứ tự 83 tại phụ lục II kèm theo được công bố tại Quyết định số 2030/QĐ-UBND ngày 24 tháng 10 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính ban hành mới, sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường bộ và đường thủy nội địa, đăng kiểm thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Giao thông vận tải thực hiện trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Giao thông vận tải; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC - Văn phòng Chính phủ;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP.UBND tỉnh;
- P.KSTT, TTPVHC;
- Lưu: VT, VPUBND tỉnh.

(Hg)

4

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hồng Thanh



PHỤ LỤC
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC BAN HÀNH MỚI, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG,
THAY THẾ, BÀI BỎ TRONG LĨNH VỰC ĐĂNG KIỂM THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA NGÀNH GIAO THÔNG VẬN TẢI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TÂY NINH
(Ban hành kèm theo Quyết định số 13 /QĐ-UBND ngày 03 /01/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

1. Danh mục thủ tục hành chính được ban hành mới: 06 TTHC

STT	Tên thủ tục hành chính	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Mức dịch vụ công trực tuyến	Căn cứ pháp lý
1	Cấp Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe gắn máy), xe máy chuyên dùng trong trường hợp miễn kiểm định lần đầu	1.013089	Ngay trong ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	- Cơ quan tiếp nhận và thực hiện giải quyết TTHC: Đơn vị đăng kiểm -Địa điểm tiếp nhận hồ sơ: Đơn vị đăng kiểm	40.000 đồng/01 Giấy chứng nhận, đối với ô tô dưới 10 chỗ ngồi (không bao gồm xe cứu thương): 90.000 đồng/01 Giấy chứng nhận kiểm định	Toàn trình	- Thông tư số 47/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ Giao thông vận tải. - Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016; Thông tư số 36/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính
2	Cấp lại Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe gắn máy), xe máy chuyên dùng	1.013092	- Trường hợp bị sai thông tin, bị hỏng: ngay trong ngày nhận được hồ sơ. - Trường hợp bị mất: 15 ngày kể từ ngày đăng cảnh báo.	- Cơ quan tiếp nhận và thực hiện giải quyết TTHC: Đơn vị đăng kiểm -Địa điểm tiếp nhận hồ sơ: Đơn vị đăng kiểm	23.000 đồng/01 Giấy chứng nhận	Toàn trình	- Thông tư số 47/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ Giao thông vận tải. - Thông tư số 11/2024/TT-BGTVT ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Bộ Giao thông vận tải.

STT	Tên thủ tục hành chính	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Mức dịch vụ công trực tuyến	Căn cứ pháp lý
3	Cấp lại giấy chứng nhận cải tạo	1.013097	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp bị mất, hỏng, sai thông tin: + 01 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ lưu trữ tại cơ sở đăng kiểm; + 03 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ lưu trữ tại cơ sở đăng kiểm khác. - Trường hợp giấy chứng nhận có thời hạn: ngay trong ngày nhận đủ hồ sơ và kết quả kiểm tra, đánh giá xe thực tế đạt yêu cầu. 	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan tiếp nhận và thực hiện giải quyết TTHC: Đơn vị đăng kiểm -Địa điểm tiếp nhận hồ sơ: Đơn vị đăng kiểm 	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí cấp giấy chứng nhận: 40.000 đồng/01 Giấy chứng nhận, riêng đối với ô tô dưới 10 chỗ ngồi (không bao gồm xe cứu thương): 90.000 đồng/01 Giấy chứng nhận. - Giá dịch vụ kiểm định: Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11/12/2016; Thông tư số 55/2022/TT-BTC ngày 24/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. 	Toàn trình	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 47/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ Giao thông vận. - Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016; Thông tư số 36/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính - Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 12 năm 2016; Thông tư số 55/2022/TT-BTC ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Bộ Tài chính

STT	Tên thủ tục hành chính	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Mức dịch vụ công trực tuyến	Căn cứ pháp lý
4	Chứng nhận kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy	1.013101	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp: ngay trong ngày nhận đủ hồ sơ. - Nộp qua hệ thống trực tuyến: ngay trong ngày khi chủ xe đưa xe mô tô, xe gắn máy đến. 	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan tiếp nhận và thực hiện giải quyết TTHC: Đơn vị đăng kiểm -Địa điểm tiếp nhận hồ sơ: Đơn vị đăng kiểm 	Theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	Một phần	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 47/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ Giao thông vận tải.
5	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy	1.013105	23 ngày làm việc, trong đó: + Tiếp nhận hồ sơ: 03 ngày làm việc; + Kiểm tra, đánh giá thực tế: 15 ngày kể từ ngày lập thông báo tiếp nhận hồ sơ. + Cấp Giấy chứng nhận: 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra, đánh giá thực tế đạt yêu cầu.	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải. - Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Sở Giao thông vận tải. - Địa điểm tiếp nhận hồ sơ: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. 	Không	Một phần	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 46/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ Giao thông vận tải

STT	Tên thủ tục hành chính	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Mức dịch vụ công trực tuyến	Căn cứ pháp lý
6	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy	1.013110	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp cấp lại do bị mất, bị hỏng, thay đổi thông tin địa giới hành chính: 05 ngày làm việc. - Trường hợp cấp lại cơ sở kiểm định khí thải thay đổi vị trí; tăng thêm số lượng thiết bị kiểm tra; bị thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy: 23 ngày làm việc, trong đó: <ul style="list-style-type: none"> + Tiếp nhận hồ sơ: 03 ngày làm việc; + Kiểm tra, đánh giá thực tế: 15 ngày kể từ ngày lập thông báo tiếp nhận hồ sơ. + Cấp Giấy chứng nhận: 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra, đánh giá thực tế đạt yêu cầu. 	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải. - Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Sở Giao thông vận tải. - Địa điểm tiếp nhận hồ sơ: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. 	Không	Một phần	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 46/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ Giao thông vận tải quy định

2. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung: 03 TTHC

STT	Tên thủ tục hành chính	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Mức dịch vụ công trực tuyến	Căn cứ pháp lý
1	Cấp Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe gắn máy)	1.005103	<ul style="list-style-type: none"> - Thời hạn: ngay trong ngày nhận được hồ sơ; - Thời hạn kiểm tra, đánh giá xe: <ul style="list-style-type: none"> + Kiểm định tại cơ sở và ngoài cơ sở đăng kiểm: ngay khi nhận được hồ sơ đầy đủ. + Thời hạn trả kết quả: <ul style="list-style-type: none"> . Kiểm định tại cơ sở: ngay sau khi kết thúc việc kiểm tra; . Kiểm định ngoài đơn vị đăng kiểm: 03 ngày làm việc kể từ khi kết thúc kiểm tra. 	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan tiếp nhận và thực hiện giải quyết TTHC: Đơn vị đăng kiểm - Địa điểm tiếp nhận hồ sơ: Đơn vị đăng kiểm 	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí giấy chứng nhận: 40.000 đồng/01 Giấy chứng nhận kiểm định, riêng đối với ô tô dưới 10 chỗ ngồi (không bao gồm xe cứu thương): 90.000 đồng/01 Giấy chứng nhận. - Giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường: Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 và Thông tư số 55/2022/TT-BTC ngày 24/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. 	Một phần	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 47/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ Giao thông vận. - Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016; Thông tư số 36/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính - Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 12 năm 2016; Thông tư số 55/2022/TT-BTC ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Bộ Tài chính

STT	Tên thủ tục hành chính	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Mức dịch vụ công trực tuyến	Căn cứ pháp lý
2	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới	1.001322	<p>23 ngày làm việc, trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tiếp nhận hồ sơ: 03 ngày làm việc; + Kiểm tra, đánh giá thực tế: 15 ngày kể từ ngày lập thông báo tiếp nhận hồ sơ. + Cấp Giấy chứng nhận: 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra, đánh giá thực tế đạt yêu cầu. 	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải. - Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Sở Giao thông vận tải. - Địa điểm tiếp nhận hồ sơ: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. 	Không	Một phần	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 46/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ Giao thông vận tải
3	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới	1.001296	<ul style="list-style-type: none"> - Cấp lại Giấy chứng nhận bị mất, bị hỏng, thay đổi thông tin địa giới hành chính; cơ sở đăng kiểm xe cơ giới giảm số lượng dây chuyền kiểm định so với nội dung đã được chứng nhận nhưng các dây chuyền kiểm định còn lại vẫn đảm bảo điều kiện hoạt động: 05 ngày làm việc. 	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải. - Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Sở Giao thông vận tải. - Địa điểm tiếp nhận hồ sơ: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. 	Không	Toàn trình	<ul style="list-style-type: none"> Thông tư số 46/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ Giao thông vận tải

STT	Tên thủ tục hành chính	Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Mức dịch vụ công trực tuyến	Căn cứ pháp lý
			<p>- Cấp lại do cơ sở đăng kiểm xe cơ giới thay đổi vị trí; tăng thêm số lượng dây chuyền kiểm định; thay đổi loại dây chuyền kiểm định; thay đổi thiết bị kiểm tra làm thay đổi loại phương tiện được kiểm định; bị thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới: 23 ngày làm việc, trong đó:</p> <p>+ Tiếp nhận hồ sơ: 03 ngày làm việc;</p> <p>+ Kiểm tra, đánh giá thực tế: 15 ngày kể từ ngày lập thông báo tiếp nhận hồ sơ.</p> <p>+ Cấp Giấy chứng nhận: 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra, đánh giá thực tế đạt yêu cầu.</p>				

3. Danh mục thủ tục hành chính được thay thế: 02 TTHC

STT	Mã TTHC	Tên TTHC được thay thế	Mã TTHC	Tên TTHC thay thế	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Mức dịch vụ công trực tuyến	Căn cứ pháp lý
1	1.001261	Cấp Giấy chứng nhận, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với phương tiện giao thông cơ giới đường bộ	1.013205	Cấp Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho xe máy chuyên dùng	- Thời hạn kiểm tra, đánh giá hồ sơ: ngay trong ngày nhận được hồ sơ; - Thời hạn kiểm tra, đánh giá xe: + Trường hợp kiểm định tại cơ sở đăng kiểm: ngay khi nhận được hồ sơ. + Trường hợp kiểm định ngoài đơn vị: tiến hành kiểm tra, đánh giá xe theo lịch hẹn.	-Cơ quan tiếp nhận và thực hiện giải quyết TTHC: Đơn vị đăng kiểm -Địa điểm tiếp nhận hồ sơ: Đơn vị đăng kiểm	- Lệ phí giấy chứng nhận: 40.000 đồng/01 Giấy chứng nhận kiểm định, riêng đối với ô tô dưới 10 chỗ ngồi (không bao gồm xe cứu thương): 90.000 đồng/01 Giấy chứng nhận. - Giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường: Thông tư số	Một phần	- Thông tư số 47/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ Giao thông vận. - Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016; Thông tư số 36/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính - Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11
2	1.004325	Cấp Giấy chứng nhận lưu hành, tem lưu hành cho xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ					số		

STT	Mã TTHC	Tên TTHC được thay thế	Mã TTHC	Tên TTHC thay thế	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Mức dịch vụ công trực tuyến	Căn cứ pháp lý
3	1.005005	Cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường trong kiểm tra lưu hành xe chở người bốn bánh có gắn động cơ			- Thời hạn trả kết quả: + Trường hợp kiểm định tại cơ sở đăng kiểm: ngay sau khi kết thúc việc kiểm tra, đánh giá; + Trường hợp kiểm định ngoài đơn vị đăng kiểm: 03 ngày làm việc kể từ khi kết thúc kiểm tra.		238/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 và Thông tư số 55/2022/TT-BTC ngày 24/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.		tháng 12 năm 2016; Thông tư số 55/2022/TT-BTC ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Bộ Tài chính
4	1.005018	Cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo	1.013206	Chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo	-Kiểm tra, đánh giá hồ sơ thiết kế cải tạo (trường hợp phải lập hồ sơ thiết kế): 05 ngày làm việc; - Cấp Giấy chứng nhận:	-Cơ quan tiếp nhận và thực hiện giải quyết TTHC: Đơn vị đăng kiểm -Địa điểm tiếp nhận hồ sơ:	- Lệ phí giấy chứng nhận: 40.000 đồng/01 Giấy chứng nhận kiểm định, riêng đối với ô tô dưới 10 chỗ ngồi (không bao gồm	Một phần	- Thông tư số 47/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ Giao thông vận. - Thông tư số 199/2016/TT-

STT	Mã TTHC	Tên TTHC được thay thế	Mã TTHC	Tên TTHC thay thế	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Mức dịch vụ công trực tuyến	Căn cứ pháp lý
5	1.012323	Cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng cải tạo			+Trường hợp lập hồ sơ thiết kế: 05 ngày kể từ ngày thông báo kiểm tra, đánh giá xe thực tế và kết quả kiểm tra, đánh giá thực tế xe đạt yêu cầu. +Trường hợp không phải lập hồ sơ thiết kế: ngay trong ngày nhận đủ hồ sơ và kết quả kiểm tra, đánh giá thực tế xe đạt yêu cầu.	Đơn vị đăng kiểm	xe cứu thương): 90.000 đồng/01 Giấy chứng nhận. - Giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường: Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 và Thông tư số 55/2022/TT-BTC ngày 24/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.		BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016; Thông tư số 36/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính - Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 12 năm 2016; Thông tư số 55/2022/TT-BTC ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Bộ Tài chính

4. Danh mục thủ tục hành chính được bãi bỏ: 02 TTHC

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên Văn bản quy phạm pháp luật quy định việc bãi bỏ, lý do bãi bỏ	Cơ quan thực hiện
1	1.001001.000.00.00.H53	Thẩm định thiết kế cải tạo xe cơ giới	Thông tư số 47/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định trình tự, thủ tục kiểm định, miễn kiểm định lần đầu cho xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; trình tự, thủ tục chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo; trình tự, thủ tục kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy	Sở Giao thông vận tải
2	1.001261.000.00.00.H53	Cấp Giấy chứng nhận, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ		Đơn vị đăng kiểm